

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 26

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu thịt gà, củ cải, bí ngòi, cải thảo, bông cải xanh
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cá thu sốt cà chua, hành baro
- Canh khoai lang nấu tôm khô
Xế: Chuối cau
Xế chiều: Bánh canh thịt heo, bầu, nấm bào ngư, mồng toi, cà rốt
- NT nhóm 2: Cháo thịt băm, bầu, mồng toi, cà rốt

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	100	3,880	3,880
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,820	4,410
8	N0777	Mì sợi	300	7,700	23,100
9	N0772	Thịt ức gà	450	12,920	58,140
10	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
11	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	200	6,090	12,180
12	0191	Cải thảo	100	5,460	5,460
13	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	8,610	8,610
14	N0798	Cá thu phi lê	1,200	33,600	403,200
15	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
16	0186	Tỏi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
17	0031	Khoai lang	800	4,100	32,800
18	0426	Tôm khô	50	78,100	39,050
19	N0846	Rau é (húng quế trắng)	50	11,870	5,935
20	N0753	Bánh canh	400	2,860	11,440
21	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
22	0083	Bầu	200	3,780	7,560
23	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
24	0163	Rau mồng toi	100	4,520	4,520

25	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
26	0457	Sữa bột toàn phần	478.41	20,500	98,074
27	0747	Chuối cau	1,000	2,680	26,800
Tổng cộng					961,999

Tổng tiền thực phẩm	961,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	962,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	4,070,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	4,069,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan